

PHỤ NỮ TRONG ĐỔI MỚI: THÀNH TỰU VÀ THÁCH THỨC

LÊ THỊ QUỲ*

Việt Nam là một nước đang xây dựng và phát triển theo định hướng XHCN. Về cơ bản, Nhà nước đã quan tâm và tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển. Điều này được thể hiện rõ trong các chính sách của Nhà nước về lao động, việc làm, quyền sở hữu đất đai, gia đình, sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, giáo dục, y tế, phúc lợi công cộng, phòng chống tệ nạn xã hội... Phụ nữ có mặt trong mọi lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế quốc dân, kể cả những lĩnh vực có yêu cầu cao về tri thức như khoa học công nghệ, khoa học xã hội, quản lý và tin học... Nhiều năm liền Tổ chức Phát triển của Liên hiệp quốc (UNDP) đã xếp Việt Nam là một trong những nước đứng hạng giữa về chỉ số phát triển Giới (Gender Development Index - GDI). Trong khi về phát triển kinh tế, Việt Nam vẫn là nước có thứ hạng thấp. Nghĩa là nhờ có chính sách tiến bộ về Giới, Việt Nam đã vượt qua một số nước có trình độ kinh tế phát triển cao hơn. Đổi mới và phát triển không chỉ là định hướng hành động chung của đất nước mà còn là của chính phụ nữ và phong trào phụ nữ Việt Nam. Bài viết nêu một số thành tựu về bình đẳng giới và những vấn đề đặt ra trong những năm đổi mới.

Giải phóng phụ nữ không thể chỉ được hiểu đơn giản là vấn đề chính sách mà nó còn là ở chính cuộc sống thực tiễn. Cuộc sống vốn đa dạng và phức tạp, cuộc sống với những nếp nghĩ, lối sống đã tồn tại hàng nghìn năm mà không dễ gì có thể thay đổi trong một sớm một chiều. S.Furrier, người theo chủ nghĩa xã

* PGS.TS. Trường ĐHKHXH và Nhân văn.

hội không tưởng đầu thế kỷ 19 ở nước Pháp đã có một câu nói nổi tiếng là: *Trình độ giải phóng phụ nữ là thước đo trình độ phát triển của xã hội*. Điều đó cũng có nghĩa là phụ nữ chỉ thực sự được giải phóng trong một xã hội có trình độ phát triển cao. Xã hội đó sẽ không chỉ thừa nhận vai trò to lớn của phụ nữ mà còn đưa họ tới vị trí tương xứng với vai trò và cống hiến của họ. Việc so sánh giữa vai trò và vị trí của phụ nữ trong mối quan hệ với nam giới ở từng xã hội cụ thể sẽ đưa đến những cách nhìn khách quan, khoa học và chính xác. Chúng ta có thể phân tích một số lĩnh vực cụ thể sau.

1. Lao động và việc làm của phụ nữ trong nền kinh tế thị trường

Vai trò của phụ nữ trong nền kinh tế thị trường

Hiện nay, phụ nữ Việt Nam chiếm tới hơn 51% dân số và 49% trong lực lượng lao động. Tỷ lệ nữ tham gia hoạt động kinh tế năm 2003 là 68,5%, trong khi nam là 75,8%. Tỷ lệ nữ có việc làm thường xuyên trong năm 2003 là 95,5%, còn tỷ lệ này ở nam là 96,2%; tỷ lệ thất nghiệp của nữ là 6,9% còn nam là 4,4% (Số liệu thống kê giới của Việt Nam..., 2005:17-18). Trong một số ngành nghề, số lượng lao động nữ thấp hơn nam giới do đặc điểm giới tính, ví dụ như các nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp nặng, hầm mỏ, xây dựng... Ngược lại, cũng có một số ngành nghề tỷ lệ lao động nữ cao hơn nam giới, cụ thể: có hơn 60% trong lao động nông nghiệp, trên 70% trong ngành dệt may và 60% trong ngành chế biến lương thực, thực phẩm. Trong lĩnh vực y tế, phụ nữ cũng chiếm tới 60% và trong giáo dục phổ thông là 70% (Tổng cục thống kê, 2001). Điều này có nghĩa là trong lĩnh vực lao động được trả công, so với nam giới, phụ nữ tham gia và đóng góp không quá chênh lệch.

Trong các gia đình, nguồn thu nhập bằng tiền và hiện vật đều do nam và nữ làm ra, thậm chí ở nhiều gia đình, phụ nữ là người kiếm tiền chính. Hiện tượng này đang làm thay đổi định kiến giới về vai trò trụ cột của đàn ông trong việc nuôi sống gia đình hoặc đàn ông là người có đặc quyền tham gia các công việc xã hội. Sự độc lập về kinh tế đã giúp phụ nữ cơ hội học tập, khả năng nắm bắt thị trường, khả năng hướng ngoại và nâng dần vị thế của họ trong gia đình và ngoài xã hội.

Khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường, sự chuyển đổi cơ chế kinh tế đã tác động đến từng con người, từng nhóm xã hội. Chính sách mới đã tạo ra biến đổi xã hội và con người. Giống như nam giới, phụ nữ có nhiều thuận lợi căn bản như là đã có những cơ hội mới, rộng lớn hơn để tham gia xây dựng kinh tế, xã hội, làm giàu cho bản thân và gia đình. Chỉ trong một thời gian ngắn sau *Đổi mới*, hàng trăm nhà doanh nghiệp nổi tiếng là phụ nữ đã xuất hiện. Họ

đã xây dựng những thương hiệu được thị trường thừa nhận như Vinamilk, nông trường sông Hậu, mì ăn liền, sản xuất và kinh doanh đồ trang sức, mỹ nghệ... Họ cũng là những bà chủ trang trại rộng lớn hàng chục, hàng trăm ha đất đai trồng trọt cây ăn quả, kinh doanh thuỷ sản hoặc xây dựng khu du lịch sinh thái. Họ cũng tham gia quản lý, lãnh đạo các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đây là hình thức đang được coi là thích hợp với lao động nữ và trên thực tế các doanh nghiệp này đã không chỉ đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế đất nước mà còn giúp hàng vạn phụ nữ và gia đình họ thoát khỏi đói nghèo.

Phụ nữ và lao động, việc làm ở nông thôn

Việt Nam là nước nông nghiệp, với gần 74% dân số sống ở nông thôn (Tổng cục Thống kê, 2005:41). Những biến động ở nông thôn trong những năm gần đây đã tác động sâu sắc tới đời sống người nông dân, trong đó có phụ nữ. Có thể thấy rất rõ những thay đổi về cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội ở nông thôn. Các thành phần kinh tế bước đầu đã được phát triển đa dạng. Giao lưu hàng hoá, thị trường được khai thông, mở rộng. Nhờ vậy mà một số vùng nông thôn nghèo đói trước đây đã trở nên trù phú hơn. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế đã kéo theo những hệ quả kinh tế - xã hội tất yếu. Chẳng hạn, nếu không khí tự do và cạnh tranh trong sản xuất đã xoá bỏ tình trạng bình đẳng giả tạo về thu nhập trước đây thì nay nó lại làm xuất hiện sự phân hoá giàu nghèo mà không một nền cơ chế thị trường nào tránh khỏi.

Có hai nhân tố chủ yếu tác động tới sự phân hoá giàu nghèo trong thời gian qua ở nông thôn Việt Nam. Thứ nhất là, sự phân chia lại ruộng đất vốn dĩ trước đây chỉ thuộc quyền sở hữu của tập thể đã cho phép người nông dân được quyền sở hữu một mảnh đất nhỏ để cày cấy. Thứ hai là sự phân công lại lao động xã hội một cách tự phát theo nhu cầu của sự phát triển kinh tế; đó là việc chuyển những lao động nông nghiệp thuần tuý sang các ngành nghề đa dạng khác ở nông thôn, cùng với việc di chuyển của một số cư dân nông thôn ra thành thị kiếm sống.

Trên thực tế, các văn bản luật pháp của nhà nước Việt Nam đã quy định rất rõ: chủ sở hữu ruộng đất ngày nay không chỉ là người chồng mà người vợ cũng có quyền ngang với chồng trong việc quyết định mua, bán, cho thuê ruộng đất cũng như các bất động sản khác của gia đình. Việc luật pháp công nhận quyền bình đẳng của phụ nữ trong vấn đề ruộng đất được coi là một cuộc cách mạng lớn ở nông thôn có tính đến giới và cũng là một hành lang pháp lý giúp cho phụ nữ có được sự chủ động, sáng tạo trong sản xuất, đồng thời tạo điều kiện để tăng cường trách nhiệm của cả nam và nữ đối với kinh tế gia đình.

Ngày nay, để hoạt động kinh tế, tăng thu nhập, người nông dân không chỉ dựa vào ruộng đất để sinh sống như trước đây. Cơ chế mới đã tạo điều kiện cho họ tự do trong sản xuất và kinh doanh. Tùy thuộc vào sự cuốn hút của thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm, các ngành nghề đa dạng đã phát triển mạnh ở nhiều địa phương theo hướng sản xuất hàng hoá. Có những nông dân mặc dù vẫn sống ở quê, vẫn có ruộng nhưng đã cho người nhà làm hoặc có thể cho thuê, còn họ chuyển hẳn sang làm các ngành nghề khác như may mặc, mây tre, làm mộc, mở lò rèn, làm bún, mỳ, bánh trái hoặc buôn bán dịch vụ... Chính những nghề này đã góp phần quan trọng vào việc thay đổi bộ mặt nông thôn, cải thiện đời sống, giúp cho nhiều hộ nông dân thoát khỏi cảnh đói nghèo thường trực trước kia. Kết quả khảo sát ở nhiều địa phương trên cả ba miền cho thấy, địa phương nào có nghề “phụ” ổn định thì đời sống của nhân dân ở nơi đó cao hơn hẳn các địa phương thuần nông, những nơi chỉ trông vào sản xuất nông nghiệp.

Trong các nghề “phụ”, phụ nữ là lực lượng lao động quan trọng. Với đức tính kiên trì, chịu khó, tháo vát, đảm đang, người phụ nữ đã mang lại cho gia đình họ nguồn thu nhập ổn định và phong phú. Từ những người phụ nữ buôn bán xuôi ngược ở đồng bằng, đến những phụ nữ dân tộc thiểu số ở Tây Bắc, Việt Bắc, hàng ngày cặm cụi bên khung cửi dệt nên những tấm thổ cẩm không chỉ có giá trị về kinh tế mà còn có giá trị nghệ thuật; từ các cô gái trẻ ở các làng nghề thủ công đến những người phụ nữ bốc vác hoặc làm giúp việc gia đình, buôn bán vật ở thành phố, ai ai cũng chăm chỉ lao động, không quản ngại khó khăn, vất vả để kiếm sống và làm giàu cho gia đình. Nhiều phụ nữ có trình độ cao hoặc biết làm ăn, có thu nhập đã không chỉ dừng lại ở mức kiếm đủ ăn mà họ còn phấn đấu để trở nên giàu có.

Tại nhiều địa phương, một số phụ nữ không có khả năng tìm việc làm tại quê hương đã di cư ra thành phố để kiếm việc làm, tạo thu nhập. Nhưng do trình độ thấp, thiếu kỹ năng nên hầu hết họ chỉ được thu hút vào những công việc nặng nhọc, lao động giản đơn như phụ xây dựng, phục vụ quán ăn, giúp việc nhà hoặc thu gom phế liệu... Tuy thu nhập của những phụ nữ này còn thấp, song điều kiện kiếm tiền ở thành thị dễ dàng hơn và số tiền họ kiếm được cũng cao hơn nhiều so với lao động ở quê. Chẳng hạn, họ có thể thu nhập từ trên 10.000đ đến 60.000 đ/ngày, trong khi ở quê họ chỉ có thể thu nhập từ 2.000đ đến 10.000đ/ ngày. Số tiền kiếm được ở thành thị, họ chỉ phí rất tiết kiệm cho việc sinh hoạt, có thể chỉ từ 2.000đ-3.000đ/tối trọ và 10.000đ cho ăn uống một ngày, số còn lại họ dành dụm, tiết kiệm mang về quê cho gia đình và chồng con

Sự phát triển sản xuất cũng đặt ra cho người nông dân nhu cầu về vốn. Đối với những hộ nghèo thì vay vốn là một việc cấp bách và thường xuyên. Do nghèo đói, không có tài sản thế chấp nên số người được vay vốn từ ngân hàng nhà nước với lãi suất thấp là rất ít, và nếu có được vay thì số tiền cũng không lớn. Nhiều hộ nông dân buộc phải vay nặng lãi ở ngay địa phương. Tỷ lệ lãi suất rất cao, có thể lên tới 20% - 30% tổng giá trị vay trong một năm. Tình trạng này khiến cho nhiều nông dân phải nợ nần quanh năm. Có những trường hợp người dân không có tiền trả, phải bán lúa non với giá rẻ mạt. Cứ như vậy, người nông dân nghèo phải lao động quanh năm vất vả mà sản phẩm họ thu hoạch được không đủ để chi trả cho những món nợ quá lớn đối với họ.

Để giúp người dân, trong đó có phụ nữ khắc phục một phần khó khăn về vốn, Hội Phụ nữ và Ngân hàng Chính sách xã hội ở các địa phương đã thực hiện dự án cho phụ nữ nghèo vay vốn theo tín chấp nhóm. Hình thức này đã giúp cho nhiều phụ nữ thoát được đói nghèo. Ở nhiều vùng nông thôn hiện nay, uy tín của phụ nữ trong vay vốn cao hơn nam giới, vì phụ nữ cẩn thận, chí thú làm ăn, tính toán chi ly và có trách nhiệm với việc trả nợ. Do vậy, Ngân hàng Chính sách hoặc Ngân hàng Phát triển nông thôn đã chuyển việc cho vay vốn sang phụ nữ là chủ yếu, mặc dù trong nhiều hộ, họ không phải là chủ hộ. Giải quyết như vậy đồng vốn của các ngân hàng an toàn hơn, vì phụ nữ không mang đồng vốn đó đi nhậu với bạn bè như một số nam giới đã làm.

Một số thách thức đối với lao động nữ trong nền kinh tế thị trường

Bên cạnh những thuận lợi đã giúp cho nhiều phụ nữ phát triển, cải thiện được cuộc sống của họ và gia đình, nền kinh tế thị trường cũng nảy sinh ra cho họ nhiều thách thức mới. Đó là những thiệt thòi liên quan đến điều kiện và thời gian lao động, tiền lương và chế độ đãi ngộ đối với lao động nữ trong các khu vực kinh tế khác nhau, vấn đề phân hoá giàu nghèo và di cư, vấn đề thất nghiệp... Ngoài ra, sự khác biệt giới tính và tình trạng phân công lao động bất bình đẳng trong gia đình còn phổ biến cũng đã đưa đến cho phụ nữ những thiệt thòi, bất công. Một trong những bất lợi lớn của phụ nữ khi đi vào kinh tế thị trường là vấn đề việc làm. Họ khó cạnh tranh được với nam giới là những người thường có sức khoẻ, trình độ cao hơn, và cũng thường rảnh rang hơn trong các chức năng tái sinh sản như tái sinh sản sinh học và tái sinh sản ra sức lao động. Chính vì vậy mà nhiều nhà tuyển dụng đã không muốn tuyển phụ nữ, vì họ ngại phải thực hiện chính sách xã hội và năng suất lao động cura doanh nghiệp dễ bị ảnh hưởng.

Tình trạng thất nghiệp đã khiến nhiều phụ nữ phải chấp nhận làm những công việc nặng nhọc, với lương thấp và chế độ làm việc không đảm bảo. Đặc

biệt là những trường hợp phụ nữ làm công cho một số cơ sở tư nhân, phụ xây dựng, phục vụ trong nhà hàng... Thất nghiệp cũng khiến cho một số không nhỏ phụ nữ phải chấp nhận làm mọi công việc để kiếm sống, kể cả phải làm gái mại dâm và buôn bán ma tuý.

Một điều dễ nhận thấy là cường độ, thời gian lao động của người Việt Nam, đặc biệt là phụ nữ đã tăng lên rất nhiều trong những năm sau *Đổi mới*. Theo các nghiên cứu gần đây thì việc phân công lao động giữa nam và nữ trong nhiều gia đình vẫn chưa hợp lý. Ngoài giờ đi làm, kiếm sống như nam giới, phụ nữ còn phải gánh trách nhiệm chính trong công việc gia đình, từ việc nội trợ đến việc chăm sóc chồng con và những người thân khác trong gia đình. Họ thường làm việc từ 12-16 giờ trong ngày, trong khi nam giới chỉ làm khoảng từ 8-10 giờ/ngày. Những công việc nội trợ và chăm sóc gia đình là những công việc không được tính công. Điều này khiến cho phụ nữ có rất ít thời gian nghỉ ngơi, học tập và hưởng thụ văn hoá. Có nhiều chị do quá bận rộn với công việc kiếm sống và công việc gia đình, đã không chăm lo được sức khoẻ, trí tuệ mà còn bị mất đi hạnh phúc gia đình.

2. Phụ nữ tham gia nền kinh tế tri thức, tham gia lãnh đạo quản lý các cấp

Các nghiên cứu đã chỉ ra tỷ số chênh lệch giữa nam và nữ trong bộ máy lãnh đạo các cấp. Chẳng hạn, số đại biểu Quốc hội là nữ qua các khoá V-IX có chiều hướng giảm: 32% (1971-1976), 27% (1976-1981), 22% (1981-1987), 18% (1987-1992), 18,5% (1992-1997), nhưng đã tăng lên trong khoá X (1997-2002) là 26,22% và khoá XI (2002-2007) là 27,3% (Quốc hội, 2005). Tỷ lệ trung bình phụ nữ tham gia Hội đồng nhân dân các cấp khoá (1989-1992) đạt 12% và hiện nay dao động ở mức trên 22%. Với tỷ lệ trên, Việt Nam là nước đứng thứ hai trong khu vực châu Á - Thái bình dương và thứ chín trong 135 nước Liên minh Quốc hội Thế giới về tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội.

Nhiều nghiên cứu cũng đã chỉ ra các nguyên nhân, đặc biệt là các nguyên nhân có liên quan đến sự phân công lao động bất bình đẳng hiện nay giữa nam và nữ, tác động của tình trạng này đến việc nâng cao năng lực và trao quyền cho phụ nữ. Đó là quan niệm, định kiến giới của một số cán bộ chính quyền và người dân đối với việc phụ nữ tham gia lãnh đạo; sự hạn chế của phụ nữ trong đào tạo, giáo dục; việc bố trí, sử dụng cán bộ nữ và việc gìn giữ và phát triển tài năng của phụ nữ v.v...

Trong hơn 50 năm qua, ở Việt Nam, đội ngũ nữ trí thức trong các ngành khoa học nhìn chung đã tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng. Tuy nhiên, nếu

so với tỷ lệ nữ trong dân số (trên 51%), tỷ lệ nữ trong lực lượng lao động (trên 49 %) và năng lực thực sự của phụ nữ thì con số nữ trí thức còn rất khiêm tốn. Tính đến năm 1999, tỷ lệ cán bộ nữ trong tổng số cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 37% (so với nam giới), trong đó số giáo sư, phó giáo sư là 132 chị, chiếm 6,7 % ; số nữ tiến sỹ là 1.635, chiếm 19,9 % (Bộ Khoa học công nghệ và Môi trường, 2000) . Hiện nay, số lượng nữ trí thức tuy có tăng lên nhưng chỉ mới tăng ở bậc cử nhân, còn các bậc sau đại học thì tăng không cao lắm. Ở Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - hai trường đại học lớn nhất trong cả nước, có rất ít nữ giáo sư và số phó giáo sư là nữ cũng chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay, thậm chí có nhiều khoa không có cả phó giáo sư nữ.

Trong những năm gần đây, nhiều nhà khoa học nữ đã phát huy tính chủ động, gắn kết các đề tài nghiên cứu khoa học với thực tế sản xuất và đời sống, trực tiếp phục vụ cuộc sống. Tuy nhiên, số lượng các nhà khoa học nữ tham gia quản lý Nhà nước ở các cấp còn khá thấp, và càng ở cấp cao, tỷ lệ này càng thấp hơn. Tại hầu hết các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, cơ quan nghiên cứu khoa học không có cán bộ lãnh đạo nữ tham gia trong ban lãnh đạo cấp Bộ, và cũng có rất ít phụ nữ tham gia lãnh đạo cấp viện, cấp vụ. Tại Viện Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia và Viện Khoa học xã hội Việt Nam là các cơ sở khoa học lớn nhất Việt Nam, không có nữ tham gia lãnh đạo Viện, còn ở các viện nghiên cứu, các cơ quan chức năng trực thuộc Viện, cũng có rất ít nữ làm lãnh đạo - giữ các chức vụ Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc Trưởng, Phó Ban.

Ở Bộ Y tế, ngoại trừ Bộ trưởng là nữ, còn hầu như không có cán bộ lãnh đạo Bộ là nữ. Trong số 10 viện nghiên cứu của Bộ Y tế, chỉ có 1 nữ Viện trưởng, 3 nữ Phó Viện trưởng. Trong 6 viện nghiên cứu của Bộ Xây dựng, chỉ có 1 nữ Phó Viện trưởng. Ngay trong ngành giáo dục và đào tạo, nơi cán bộ nữ chiếm trên 70%, thì số Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo là nữ chỉ chiếm 29%, số Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng là 19 %. Còn bộ máy lãnh đạo của các trường đại học hầu hết là nam giới.

3. Phụ nữ tham gia xây dựng và hưởng thụ văn hoá

Chính sách văn hoá và chính sách bình đẳng giới của Việt Nam đã ảnh hưởng tới sự sáng tạo văn hoá của nam và nữ. Ở Việt Nam, phụ nữ không chỉ là người hưởng thụ văn hoá mà còn là người sáng tạo văn hoá. Trên thực tế, phụ nữ là lực lượng quan trọng trong xây dựng văn hoá gia đình, bảo lưu truyền thống văn hoá dân tộc và giáo dục thế hệ trẻ.

Mặc dù phụ nữ có vai trò to lớn trong văn hoá nhưng vai trò và vị trí của họ trong lĩnh vực này thực tế còn khá thấp. Tàn dư của tưởng Khổng giáo “trọng nam, khinh nữ”, sự mâu thuẫn giữa quan niệm truyền thống về trách nhiệm nặng nề của phụ nữ trong gia đình với các tiêu chí bình đẳng giới đã cản trở sự sáng tạo của phụ nữ. Phần lớn các nữ nghệ sỹ muốn sáng tạo đều phải vất vả hơn nam giới nhiều lần, do họ vẫn phải làm tròn trách nhiệm người mẹ, người vợ trong công việc gia đình. Bên cạnh đó, trong công tác chuyên môn, họ không được hưởng một chính sách đặc biệt nào mà còn phải cạnh tranh gay gắt với các đồng nghiệp nam. Hiện nay trên nhiều lĩnh vực nghệ thuật như âm nhạc, hội hoạ, văn học, sân khấu, so với nam giới, số phụ nữ có tác phẩm xuất sắc hoặc tham gia làm lãnh đạo và quản lý rất thấp. Chỉ có lĩnh vực điện ảnh, sân khấu, ca nhạc là có tỷ lệ phụ nữ tương đương với nam giới. Một số phụ nữ muốn cống hiến cho nghệ thuật đã phải hy sinh hạnh phúc gia đình hoặc luôn phải chịu áp lực của dư luận xã hội.

Thực tế chỉ ra rằng xây dựng người phụ nữ - người mẹ có trình độ văn hoá cao là đầu tư cho thế hệ mới khoẻ mạnh về thể chất và lành mạnh về tinh thần. Do đó người phụ nữ mới hiện nay phải là người tiếp cận được với khoa học, kỹ thuật hiện đại, sử dụng thành thạo các thành tựu của công nghệ tiên tiến, có nhiều sáng kiến để làm giàu cho gia đình và đất nước chứ không chỉ là những phụ nữ lam lũ, chịu đựng, giàu đức hy sinh, luôn nhường nhịn trong đói nghèo như trước kia. Do vậy, việc kết hợp hài hoà giữa phát triển quyền cá nhân của hai giới với trách nhiệm trong gia đình theo hướng lành mạnh, tích cực là một giá trị quan trọng để xây dựng xã hội. Điều này không chỉ là sự kết hợp hài hoà các nhân tố truyền thống với hiện đại, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc, cùng với việc tiếp thu tinh hoa văn hoá của nước ngoài mà còn rất cần những chính sách đúng đắn, kịp thời của nhà nước.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng: Hiện nay đang có sự bất bình đẳng trong *quyền* và *trách nhiệm* giữa nam và nữ trong gia đình; trong các cơ hội tiếp cận với thông tin và giáo dục giữa nam và nữ. Phụ nữ, đặc biệt là các em gái ở nông thôn, miền núi là những người thiệt thòi nhất vì họ ít có điều kiện được đi học vì lý do kinh tế (Trong nhiều gia đình, khi cha mẹ không có đủ tiền để chu cấp cho tất cả các con đến trường thì các em gái thường phải nghỉ học, "nhường" cho các anh em trai được đi học), hoặc vì những lý do xã hội như các quan niệm, tập tục lạc hậu còn tồn tại trong xã hội, đặc biệt là ở một số vùng nông thôn. Ví dụ: Quan niệm con gái không cần học nhiều, chỉ cần biết chữ là đủ đang có xu hướng phục hồi ở nhiều nơi; hoặc cho rằng con gái sẽ đi lấy chồng, không cần học nhiều mà chỉ cần học cách làm nông nghiệp, quản lý và chăm sóc gia đình là đủ.

Ở nhiều địa phương, đặc biệt là vùng nông thôn và miền núi, những áp lực về phong tục, tập quán theo phụ quyền vẫn còn khá nặng nề, mà phụ nữ là nạn nhân chính của các tập tục này. Nhiều trường hợp, người phụ nữ còn bị chồng và gia đình chồng ép đẻ nhiều con để có con trai nối dõi tông đường, khi có đã có năm bảy cô con gái và hết hy vọng có con trai thì họ bị chồng và gia đình chồng ép cưới vợ hai cho chồng hoặc bị chồng ruồng bỏ. Hiện tượng đa thê đang có nguy cơ trở lại trong sự thờ ơ của chính quyền và nhân dân ở nhiều địa phương.

Cụ thể như ở xã Tân Đậu, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây, chỉ cách Hà Nội gần 40 km nhưng ở đây vẫn còn hủ tục ăn "tông thống". Tục này chỉ áp dụng với những gia đình sinh toàn con gái. Trong các gia đình này, khi bố mẹ mất, của cải của bố mẹ để lại phải nhường cho một gia đình có con trai gần nhất trong họ tộc, không được để cho con gái trong gia đình, thậm chí có cho cũng không dám lấy. Dân làng cũng biết là hủ tục nhưng do ở địa phương vẫn còn có ông cán bộ ở huyện thực hiện việc ăn thừa tự, nên mặc dù đã có luật quy định về quyền thừa kế nhưng người dân ở thôn Đông Phố vẫn không dám đấu tranh, vì dòng họ luôn kê kích. Trước kia, người phụ nữ ở đây phải sinh bằng đ-ược con trai, mặc dù họ có thể đã có vài cô con gái. Nếu không sinh được con trai thì họ phải lấy vợ hai, vợ ba cho chồng. Hiện nay, hủ tục ăn "tông thống" đối với người dân ở đây gần như là tự nguyện. Những gia đình chỉ sinh con gái, không sinh được con trai đã phải nhường lại đất đai, nhà cửa cho gia đình có con trai trong họ gần mà không cần bất kỳ điều kiện nào. Vì vậy ở đây các gia đình đã có 2, 3 con gái vẫn cố đẻ để mong được con trai (Hoàng Diệu Hương, 2000).

Ngoài ra, còn các vấn đề xã hội có liên quan đến giới như là vấn đề bạo lực đối với phụ nữ (bao gồm bạo lực xã hội và bạo lực gia đình), vấn đề mại dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ em, đang được coi là tệ nạn xã hội. Chống tệ nạn xã hội cũng đồng nghĩa với việc bảo vệ quyền con người, nhân phẩm của phụ nữ, bảo vệ sự trong sạch của xã hội, tiến tới xây dựng xã hội công bằng và văn minh.

Tuy nhiên, vấn đề bình đẳng giới ở Việt Nam hiện đang gặp những trở ngại khó khăn không nhỏ. Rào cản lớn nhất là quan niệm, phong tục tập quán còn mang nặng tư tưởng nam quyền vẫn tồn tại ở nhiều địa phương, đặc biệt là vùng nông thôn và miền núi. Sự hiểu biết về Giới và bình đẳng giới của cán bộ các cấp các ngành và của nhân dân còn nhiều hạn chế. Mặc dù Chính sách, luật pháp của nhà nước liên quan đến bình đẳng giới đã có nhiều, nhưng từ văn bản đến thực tế thực hiện còn khoảng cách rất lớn

Để tiến tới bình đẳng giới ở Việt Nam, bên cạnh việc nâng cao nhận thức chung của người dân về vấn đề giới, chúng ta cần đặc biệt chú trọng tới việc nâng cao năng lực của phụ nữ coi đó là điều kiện tiên quyết. Đây không chỉ là quyền lợi mà còn là trách nhiệm của chính quyền và của cả hai giới nam và nữ hiện nay(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, số 1/2005.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Diệu Hương, *Báo Gia đình và Xã hội*, số 72, từ ngày 8/6 - 15/6/2000.
2. *Số liệu thống kê giới của Việt Nam những năm đầu thế kỷ 21*. H.: Nxb. Phụ nữ, 2005.
3. Tài liệu của Bộ Khoa học công nghệ và Môi trường, Hà Nội, 2000
4. Tài liệu của Quốc hội, 2005
5. Tổng cục thống kê. 2001. *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999*. H.: Nxb. Thống kê.
6. Tổng cục thống kê, 2005, *Niên giám thống kê 2004*, H. : Nxb. Thống kê.